

LUYỆN ÂM



/ a /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Lưỡi lùi về phía sau, mặt lưỡi phẳng hoặc hơi cong một chút ở phần giữa.

Môi tiếp giáp với răng.

/a/ là nguyên âm trước, nguyên âm không môi, chắc, trung hòa.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu - HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm: Mặt lưỡi nằm thẳng trên sàn miệng. Đừng há miệng to quá.

2. Phát âm : a / a / a / GV đọc mẫu, HS bắt chước.

Cho HS nhận thấy mặt phẳng của lưỡi.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Lưỡi lùi về sau quá : /a/ nghe chát và tất nghẽn (giọng cổ)

Chỉnh : Cho HS đưa chóp lưỡi về trước và chỉ cho HS thấy góc lưỡi hơi nâng lên.

Phát âm (từng giai đoạn) : i - a / ba-ba-ba / ta-ta-ta ngắt ra từng phụ âm.

Nếu liên tục không đạt được thì để đó chờ luyện /o/ rồi trở lại /a/.

2. Lưỡi đưa về trước quá : /a/ nghe như /ê/

Chỉnh : Cho HS lùi nhẹ lưỡi về sau.

Phát âm : i - a

3. Lưỡi hầu quá khép : /a/ giống như /e/ hoặc mặt lưỡi nâng lên cao quá.

Chỉnh : Dùng một thanh gỗ mỏng đè lưỡi xuống.

4. Cửa mềm đưa lên chưa đủ : /a/ trở thành giọng mũi : /an / do không đóng kín các hốc mũi.

Chỉnh : Cho nhận thức hơi thở ở miệng đi kèm khi phát ra /a/.

Phát âm : i - a hoặc i - a - i

Kết hợp /a/ với phụ âm /b / hoặc /t / : /ba / ba / ba / ; ta / ta / ta /.

/ o /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Bờ lưỡi nâng cao đung vào cửa, hơi lùi về sau và mở rộng hơn / u / .
/ o / là nguyên âm cửa sau (cửa mềm). Môi chụm lại và tròn.
Đường kính tăng dần từ ô đến o.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu - HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm : lưỡi hơi lùi về phía sau . Bờ lưỡi nâng cao đung vào cửa.
Tròn môi.
2. Phát âm : / o / o / o /

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Lưỡi cửa đưa về trước quá. Mặt lưỡi nâng lên ở phần giữa mà không nâng lên ở phần cuối. Vì thế, / o / nghe như / e /, không rõ rệt.
Chỉnh : Chỉ cho HS thấy cần nâng ở phần cuối lưỡi.
Nhẹ đẩy lưỡi vào với thanh gõ mỏng.
Phát âm : u - o / bu - bo
2. Cửa lưỡi cửa quá khép, vì thế, / o / nghe như / a /
Chỉnh : Nâng nhẹ phần cuối lưỡi.
Phát âm : u - o / bu - bo
3. Vòm cửa nâng lên chưa đủ nên không hoàn toàn đóng kín các hốc mũi.
Chỉnh : Cho HS bật từng cú : bo / bo / bo /
4. Cửa môi quá khép. / o / nghe như / u /
Chỉnh : Mở rộng hai bờ môi của trẻ và ngân dài thành tiếng : a.....o.....

/ ô /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Lưỡi hơi lùi về phía sau . Nguyên âm cửa sau.

Độ mở rộng hơn /u/. Nguyên âm nửa khép.

Môi tròn, đường kính giảm từ /o/ đến /ô/. Nguyên âm môi cửa.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu, HS bắt chước.

1. **Đặt vị trí cấu âm** : Lưỡi hơi lùi về phía sau. Môi tròn, mở rộng hơn /u/.

2. **Phát âm** :

- Phát âm /u/ rồi chuyển sang /o/. Chỉ cho HS thấy cửa môi mở rộng.

- Phát âm /ơ/ rồi chuyển sang /ô/. Chỉ cho HS thấy lưỡi lùi về phía sau.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Cửa lưỡi cửa quá khép, vì thế /ô/ nghe như /u/.

Chỉnh : Cho HS hạ lưỡi phía sau xuống và hơi mở rộng cửa môi.

Phát âm : o - ô

2. Cửa lưỡi cửa quá mở, vì thế /ô/ nghe như /o/ hoặc /a/.

Chỉnh : Chỉ cho HS nâng cao phần sau của lưỡi lên.

Phát âm : a - ô / o - ô

3. Cửa mềm nâng cao chưa đủ để hoàn toàn đóng kín các hốc mũi, do đó /ô/ trở thành giọng mũi.

Phát âm : u - ô / bu - ô

/i/

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Đầu lưỡi đặt phía sau hàng lợi dưới. Môi đung vào hàm răng cửa, doãn rộng ra.
Nguyên âm khép, không môi.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu, HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm : Đưa hàm vào vị trí phát ra /i/. Môi dưới áp nhẹ vào răng cửa dưới.
2. Phát âm : i - i - i / bi - bi - bi

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Lưỡi lùi về phía sau quá, /i/ nghe tắt nghẽn.
Chỉnh : Dùng thanh gỗ mỏng đẩy nhẹ lưỡi lên, với phản ứng tự nhiên lưỡi sẽ thè ra và nâng lên.
2. Cửa lưỡi cửa quá khép chặt, /i/ nghe như hơi thở hoặc nghe như /d/
Chỉnh : Cho HS hạ thấp mặt lưỡi xuống và phát âm /i/ nhẹ nhàng.
3. Cửa lưỡi cửa quá mở, /i/ nghe như /e/ hoặc /ê/.
Chỉnh : Nâng mặt lưỡi cao lên một chút.
Phát âm : bi - bi - bi - i - i - i / bi - i

/ u /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Lưỡi lùi sâu về phía sau. Vòm cửa nâng cao. Môi khép lại và tròn.
Nguyên âm cửa sau.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu - HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm : Lưỡi lùi sâu về phía sau, nâng phần cuối lưỡi. Môi khép lại.
2. Phát âm : u / u / u /

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Cửa lưỡi cửa đưa về phía trước quá. / u / nghe như / i /, không rõ rệt.
Chỉnh : Nâng cao phần cuối lưỡi.
Hạ phần trước của lưỡi bằng thanh gỗ mỏng, phần sau tự động nâng lên.
Dùng thanh gỗ mỏng đẩy lưỡi vào cho đến khi / i / trở thành / u /.
2. Cửa lưỡi cửa quá khép, / u / nghe như luồng hơi bị nghẽn.
Chỉnh : Dùng thanh gỗ mỏng đè nhẹ lưỡi xuống.
Phát âm : a - u
3. Cửa lưỡi cửa quá mở, / u / nghe như / ô /.
Phát âm : i - u

/c/, /k/

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Phần gốc lưỡi chạm và cửa mềm. Hoàn toàn khép kín.

Hạ lưỡi xuống và gây ra một tiếng nổ.

Môi không quan trọng vì nó tùy thuộc vào các yếu tố kết hợp giữa phụ âm c, k với các nguyên âm.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu. HS bắt chước.

1. **Đặt vị trí cấu âm** : Cho HS thấy cử động ở phần cuối lưỡi. Đầu lưỡi phải ở yên, tiếp xúc với cung răng dưới.
2. **Phát âm** : ca - ca - ca
Cho HS nhận thấy sự vận chuyển của lưỡi : pa - ta - ca

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Sự căng cơ quá yếu, không thực hiện sự đóng kín hoàn toàn, lưỡi không tựa mạnh vào cửa. /c/ trở thành siết vì có luồng hơi trong lúc giữ âm.
Chỉnh : Cho HS nhấn mạnh sự căng cơ của lưỡi dựa vào cửa và nhận thức không có luồng hơi trong lúc giữ âm.
Dùng thanh gỗ mỏng đẩy nhẹ đầu lưỡi về phía sau cho đến khi phát âm /c/.
Phát âm : ca - ca - ca
2. Tiếng bật nổ quá yếu, sức ép của khí trong miệng và độ căng cơ của lưỡi không đủ
Chỉnh : Cho HS nhận thức cường độ của luồng hơi nổ.
Phát âm : pa - ta - ca
3. Tiếng bật nổ quá mạnh : Sức ép của luồng khí trong miệng và độ căng cơ của lưỡi quá mức.
Chỉnh : Cho HS nhận thức cường độ bình thường của sự bật nổ.
Phát âm : a - ka
Cho HS lặp lại nhiều lần.
4. Vòm cửa hạ thấp cùng lúc với lưỡi : /k/ nghe như /nh/.
Chỉnh : Cho HS lặp lại nhiều lần /t/. Trong lúc phát âm đẩy nhẹ lưỡi về phía sau cho đến khi phát âm /c/.
Phát âm : ta - ca

/ b /

I. VỊ TRÍ CẤU ÂM

Hai môi khép lại, đóng kín hoàn toàn. Sức ép của khí trong miệng và độ căng của môi vừa phải.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu, HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm : Hai môi khép lại, đóng kín hoàn toàn, độ căng vừa phải.

2. Phát âm : ba / ba / ba /

Kết hợp /b/ với các nguyên âm a , u , ô ...

Cho HS nhận thức sức nổ của luồng hơi và sự chấn động ở môi.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. /b/ trở thành siết giống như /v/.

Chỉnh : Nhấn mạnh độ căng cơ của môi và cho nhận thức không có luồng khí lúc giữ hơi khi phát âm /b/.

Phát âm : pa - ba

2. Độ căng cơ quá yếu : Không có sự đóng kín bờ môi nhưng chỉ siết mà thôi, do đó, vòm cửa hạ quá thấp trong suốt thời gian phát âm, /b/ nghe như /m/.

Chỉnh : Cho HS nhận thức không có chấn động ở hai cánh mũi và độ giữ hơi vang rất ngắn.

Phát âm : bơ - bơ - bơ (đọc liên tục)

/ t /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Lưỡi chạm vào răng cửa trên. Tất hoàn toàn.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu . HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm : Đầu lưỡi chạm vào răng cửa trên. Kéo dài phần giữ âm. Lưỡi hạ thấp đột ngột gây ra tiếng bật nổ.
2. Phát âm : ta / ta / ta /
Cho HS thấy sự vận chuyển của lưỡi khi phát âm / t /.
Chú ý : Đừng cho HS lùi đầu lưỡi về sau quá.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Bít hơi bằng mặt lưỡi thay vì đầu lưỡi, / t / nghe như / k /.
Chỉnh : Cho HS đặt đầu lưỡi ở giữa hai hàm răng trên và lùi dần vào.
Phát âm : pa - ta / pa - ta
2. Bít hơi bằng đầu lưỡi và mặt lưỡi, / t / nghe như / tk /.
Chỉnh : Cho HS đặt lưỡi nằm thẳng trên sàn miệng, chỉ cho HS nâng đầu lưỡi để đặt vị trí / t /.
Phát âm : ta - ta - ta
3. Độ căng cơ và độ kháng của lưỡi quá yếu, do đó sự đóng kín hoàn toàn không thực hiện, khí thoát ra ngoài trong lúc giữ âm. / t / trở thành âm siết, nghe như tiếng gió.
Chỉnh : Cho HS tiếp giáp đầu lưỡi mạnh hơn vào cung răng và bỏ đi sự phát ra tiếng gió trong lúc giữ âm.
Phát âm : p - t / pa - ta / pa - ta
Cho HS nhận thức sự bật nổ.

/ m /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Hai môi rấp lại, thực hiện sự đóng kín hoàn toàn.

Môi doãn ra nhanh, tiếng nổ nhẹ.

/ m / & / b / kèm theo tiếng cộng hưởng mũi vì cửa mềm hạ thấp nên có sự giao thông giữa mũi và hầu.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu, HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm : Hai môi khép kín. Kéo dài phụ âm / m / ở phần giữ âm rồi từ từ lướt qua / a /.

2. Phát âm : ma / ma / ma /

Cho HS nhận thức :

- Những chấn động ở môi dưới.

- Những chấn động trên ngón tay đặt nằm ngang chạm vào vách ngăn mũi lúc hai lỗ mũi nở ra.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Do độ căng quá yếu, môi mím lại chưa đủ, một luồng khí đi qua giữa hai môi trong lúc giữ âm / m / như hơi thở.

Chỉnh : Cho HS mím môi và nhận thức không có luồng hơi nơi miệng trong lúc giữ âm.

2. Do độ căng quá mạnh, hai môi mím chặt quá / m / nghe như / b /.

Chỉnh : Tìm cách giảm độ căng môi.

Cho HS nhìn khẩu hình GV.

Có thể đặt một miếng giấy giữ a hai môi.

Phát âm : a - ma / i - mi

/ n /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Lưỡi chạm vào cung răng và lợi trên. Chạm nhẹ, ít căng. Khép kín hoàn toàn.
Hạ lưỡi đột ngột, gây tiếng nổ nhẹ hơn / t / và / đ /.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu, HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm: Chỉ cho HS thấy vị trí của lưỡi (sau hàm răng cửa dưới), khép kín hoàn toàn. Hạ lưỡi đột ngột gây tiếng nổ nhẹ hơn / t / và / đ /.

2. Phát âm : na / na / na /

Cho HS cảm nghiệm sự chấn động ở ngón tay đặt trên cánh mũi.

Chú ý : Đừng để / n / ở đầu lưỡi nhưng là phần trước của lưỡi để tránh / n / thành / đ /. Hơn nữa, chóp lưỡi hướng xuống để dễ dạy phụ âm / nh / khi bắt đầu từ / n /.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. / n / nghe như / nh / do va chạm quá rộng từ trước ra sau, lưỡi hạ chậm, do đó / n / trở thành nhã.

Chỉnh : Cho HS đưa đầu lưỡi ở giữa hai hàm răng và phát âm / n / trong tư thế này. Sau đó, lùi đầu lưỡi cho đến khi có được vị trí bình thường để phát ra / n /.

2. Tiếng xì gió giữa hai hàm răng : Do đầu lưỡi đặt vào giữa hai hàm răng cửa.

Chỉnh : Dùng thanh gỗ mỏng đẩy lưỡi vào. Cho HS cắn khít hai hàm răng lại.

3. Răng , lưỡi không hoàn toàn đóng kín, một phần luồng hơi đi qua miệng, do đó, / n / nghe như / l /.

Chỉnh : Cho HS phát âm : ma - na bằng cách kéo dài phụ âm ở thì giữ âm. Cho HS thấy không có luồng hơi ở miệng trong lúc giữ âm.

/ đ /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Lưỡi chạm vào cung răng và lợi trên, nhưng không đè mạnh và ít căng. Đóng kín hoàn toàn.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu, HS bắt chước.

1. **Đặt vị trí cấu âm** : Đầu lưỡi chạm vào cung răng và lợi trên nhưng không đè mạnh và ít căng. Đóng kín hoàn toàn.

Lưỡi hạ thấp đột ngột gây ra tiếng nổ nhẹ hơn / t /.

2. **Phát âm** : đa / đa / đa /

pa - ba - ta - đa

Cho HS nhận thấy sự vận chuyển của lưỡi và tiếng nổ bật của luồng hơi.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. Ngọng ở khe răng : Đầu lưỡi đặt ở răng cửa trên và môi dưới

Chỉnh : Dùng thanh gỗ mỏng đẩy lưỡi vào và cho hai hàm răng cắn lại.

Phát âm : đa / đa / đa /

2. lưỡi thụt vào quá : / đ / nghe như / g /

Chỉnh : Cho HS thè lưỡi ra và phát âm / b / bằng tiếng nổ giữa lưỡi và môi trên.

Cho lặp lại cùng tiếng với cùng nhịp điệu trên răng và sau răng, ta sẽ có / đ / bình thường.

/ X /

I. VỊ TRÍ CẤU ÂM

Răng , lưỡi và nướu.

Có sự va chạm giữa lưỡi và nướu trên, không đóng kín hoàn toàn, luồng khí thoát ra với tiếng cọ xát.

Vùng lưỡi cấu âm : Lưng lưỡi trước → điểm nhọn đưa xuống.

Đầu lưỡi → điểm nhọn đưa lên.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu , HS bắt chước.

1/ Đặt vị trí cấu âm : Đặt đầu lưỡi sau hàm răng cửa dưới. Lưng lưỡi nâng lên tạo thành một luồng dài thẳng ở giữa .

Kéo dài phần giữ âm / x /. Cho HS nhận thức luồng hơi trên mu bàn tay đặt nằm ngang tầm môi dưới.

2/ Phát âm : xa / xa / xa /

Vị trí môi có khuynh hướng doãn rộng ra.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1/ / x / bị siết vì đầu nhọn của lưỡi ở giữa hai hàm răng , khe hở đưa về trước quá và quá hẹp.

Chỉnh : Hạ thấp hoặc đẩy đầu lưỡi vào nhờ thanh gỗ mỏng.

Phát âm : x... xa / x... xa /

2/ Độ căng quá mạnh , nghe như / tx /.

Chỉnh : Kéo dài phần giữ âm / x / với sự nhận thức của luồng hơi.

Phát âm : Lướt từ / ph / đến / x /.

3/ / x / ở mép hoặc rải rác vì luồng hơi thoát ra từ một bên miệng hoặc rải rác quanh miệng.

Chỉnh : Cho HS nhận thức luồng hơi thoát ra ở giữa miệng , trên một ngón tay đặt thẳng đứng ở giữa môi .

Phát âm : x... xa / x... xa /

/ s /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Chóp lưỡi nâng lên tiếp giáp với cung răng trên.

Hai bờ lưỡi cong lên tiếp giáp với cửa trước nhưng độ khép không kín.

Phần giữa của lưỡi khuyết sâu tạo nên một luồng dài, nơi đó luồng khí thoát ra gây nên tiếng huýt gió.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu. HS bắt chước.

1/ Đặt vị trí cấu âm :

Đưa phần lưỡi trước vào và cho nó tiếp giáp với hàm răng cửa trên chạm với chân lưỡi.

Nâng hai bờ lưỡi cong lên tiếp giáp với cửa trước để có một luồng dài ở giữa để luồng khí thoát ra nơi miệng .

Cửa lưỡi cửa lùi về sau hơn / x / và mở rộng hơn / x /.

2/ Phát âm : s ... sa / s ... sa

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1/ Chóp lưỡi đưa về trước quá, /s / giống như /x /, không rõ rệt.

Chỉnh : Đưa chóp lưỡi lùi về sau và cho nhận thức luồng hơi.

Phát âm : ô - sô / ô - sô.

2/ Tiếng cọ xát không đủ , Cử lưỡi cửa đưa về sau quá và mở rộng quá . /s / nhão.

Chỉnh : Đưa đầu lưỡi về trước và cho nhận thức luồng hơi.

Phát âm : i - si / i - si .

3/ /s / quá khép, quá xiết .

Độ căng quá mạnh gây ra một rãnh quá hẹp.

Chỉnh : Cho HS phát âm lướt qua từ / ph / đến /s / từ pha đến sa với một luồng hơi điều hòa.

/ v /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Môi dưới tiếp giáp với đầu răng cửa trên , lưng lưỡi giữa để một khe nhỏ đủ luồng hơi thoát ra. Sự đóng kín không hoàn toàn . Luồng hơi thoát ra với tiếng cọ xát.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu . HS bắt chước.

1/ Đặt vị trí cấu âm :

Đặt môi dưới tiếp giáp với hàm răng cửa trên , đóng kín không hoàn toàn .

2/ Phát âm : va - va - va.

Cho HS nhận thức luồng hơi phát ra xuyên từ dưới lên trên .

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1/ Môi dưới tiếp giáp với hàm răng cửa trên quá chặt , vì thế / v / bị đóng kín , nghe như / b /.

Chỉnh : kéo dài phần giữ âm bằng cách bắt chước tiếng gió vu vu.

Phát âm : va - va - va .

2/ Sức ép của môi dưới răng chưa đủ . / v / thành nhão . Tiếng cọ xát quá yếu , nhiều khi không có.

Chỉnh : Phải căng mạnh môi dưới vào răng trên .

Phát âm : pha - va / pha - va .

/ L /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Có sự tiếp xúc giữa chóp lưỡi và răng cửa trên . Sức căng của lưỡi và sức ép của khí trong miệng yếu.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu . HS bắt chước.

1/ Đặt vị trí cấu âm : Phần chóp lưỡi chạm vào nướu của răng cửa trên . Sức căng của lưỡi và sức ép của khí trong miệng yếu . Hai bên bờ của phần lưng lưỡi giữa nâng lên chạm vào cung răng trên . Phần giữa mặt lưỡi hạ thấp xuống để có một lỗ hở cho luồng khí thoát ra .

2/ Phát âm : Lưỡi hạ thấp đột ngột , luồng hơi phát ra từ hai bên hông.

la - la - la .

Có thể cho HS kéo dài phần giữ âm và nhận thức những chấn động ở môi dưới.

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1/ Lưỡi cửa lùi về sâu quá . Đầu lưỡi uốn cong lại khi tiếp xúc với phần cửa trước.

Chỉnh : Chỉ cho HS tư thế đúng của lưỡi.

Phát âm : i - li / i - li - la - la - la .

2/ Độ căng của lưỡi quá yếu . Lưỡi không mở rộng đủ và hai bên bờ không tựa vào cung răng trên .

Chỉnh : Cho HS gia tăng độ căng của lưỡi bằng cách đánh lưỡi và nhận thức những chấn động ở cằm khi phát âm : la / la / la /

/ r /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Đầu lưỡi tiếp giáp với cửa cứng.
Độ căng của lưỡi và sức ép của luồng khí yếu.
Môi có vị trí như / t /.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu . HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm :

Cho HS đặt vị trí cấu âm như / k /.

Phần chóp lưỡi nâng lên tiến gần đến cửa và rung lên khi luồng hơi đi qua gây ra tiếng cọ.

Độ căng của lưỡi và sức ép của luồng khí yếu.

2. Phát âm : a - ra / a - ra

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1. / ra / nghe như / a / : Sự căng cơ giữa đầu lưỡi với cửa quá yếu.

Chỉnh : Nâng đầu lưỡi lên bằng thanh gỗ mỏng.

Cho nhận thức những chấn động dưới cằm mạnh hơn.

Phát âm : ka - ra / ka - ra

2. / r / trở thành siết do sự căng cơ quá mạnh .

Chỉnh : Cho nhận thức dưới cằm những chấn động yếu hơn.

Phát âm : ba - ra / ba - ra / hoặc : ka - ra / ka - ra /

/ nh /

I. VI TRÍ CẤU ÂM

Đầu lưỡi đặt phía sau hàm răng cửa dưới. Lưỡi chạm vào vòm cửa. Đóng kín hoàn toàn .

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY

GV làm mẫu . HS bắt chước.

1. Đặt vị trí cấu âm :

Đầu lưỡi đặt phía sau hàm răng cửa dưới.

Lưỡi chạm vào vòm cửa . Đóng kín hoàn toàn .

2. Phát âm : Kéo dài phần giữ âm .

Lưỡi tách dần vòm cửa từ trước ra sau . Sự bật nổ hầu như không có.

Nha - nha / nhi - nhi / nho - nho / vv...

III. NHỮNG TẬT CẦN CHỈNH ÂM

1/ Lưỡi đưa về trước quá . / nh / nghe như / n /.

Chỉnh : Cho lưỡi lùi về phía sau để loại bỏ sự va chạm của lưỡi và răng.

Phát âm : nha - nha

2/ Vòm cửa nâng lên trong lúc phát âm và gây ra tiếng nổ. / nh / nghe như / ng /.

Phát âm : Kéo dài phần giữ âm. Lưỡi chạm từ phụ âm /nh / qua nguyên âm.

/ th /

/ th / là phụ âm đầu lưỡi và răng. Đóng kín hoàn toàn.

Vị trí cấu âm giống như / t /, nhưng khi phát âm, hơi bật mạnh hơn / t /.

Tất cả các giai đoạn xin xem lại / t /.

◆ Chú ý :

Các âm / t / và / th / không vang. Khi phát âm, tính chất bật của đầu lưỡi tương đối mạnh hơn. Còn / đ / và / n / thì tính chất bật nhẹ hơn và mềm hơn. Nếu so sánh riêng thì / th / phát mạnh nhất.

/ ch /

/ ch / là phụ âm mặt lưỡi giữa a và cửa cứng.

Vị trí cấu âm giống như / nh / ở giai đoạn đầu : Mặt lưỡi nâng lên chạm vào cửa cứng . Đóng kín hoàn toàn.

Khi phát âm và bật hơi, luồng hơi sẽ thoát ra ngoài bằng cửa miệng. Trong khi đó, / nh / có một phần luồng hơi đưa lên xoang mũi để thoát ra ngoài.

Tất cả các giai đoạn nên xem lại / nh /.